

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG THÍCH ỨNG XÃ HỘI CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

LÒ THỊ VÂN*

Ngày nhận bài: 14/06/2016; ngày sửa chữa: 16/06/2016; ngày duyệt đăng: 16/06/2016.

Abstract: Adaptive skills are important social skills for people to adapt conditions of social life. Adaptive skills come from adaptive behavior, or the conceptual, social, and practical skills that individuals have learned and use in their daily lives. The paper focuses on the some manifestations of adaptive skills of junior school students highlighted by educational psychology methods to help junior school students obtain and improve some certain social adaptive skills.

Keywords: Adaptive skills, social skills to adapt, secondary school students.

1. Biểu hiện của kỹ năng (KN) thích ứng xã hội ở học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS)

KN thích ứng xã hội của HS THCS là một dạng của KN xã hội giúp HS thích ứng với môi trường học tập, với cuộc sống tốt hơn. Thông thường, để phản ánh khả năng thích ứng của một cá nhân trong lĩnh vực nào đó, người ta nghiên cứu thông qua các biểu hiện cụ thể của nhận thức, thái độ và hành vi cá nhân đó. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung phản ánh các biểu hiện hành vi thể hiện sự thích ứng các KN xã hội của HS THCS. Những hành vi này biểu hiện cụ thể trong các hoạt động sống hàng ngày của HS THCS, như: giao tiếp, quan hệ với người khác; học tập; vui chơi, giải trí.

1.1. Trong giao tiếp. Những HS có biểu hiện thích ứng cao là những em tự tin, mạnh dạn, khéo léo, lịch sự và chủ động trong giao tiếp với mọi người; dễ để lại những ấn tượng đẹp khi tiếp xúc với người khác; có khả năng nhận biết được cử chỉ, lời nói, điệu bộ của đối phương một cách rõ ràng, cụ thể. Từ đó, phần nào hiểu được tâm tư, tình cảm của họ và biểu lộ bằng sự đồng cảm, cảm thông..., tạo được niềm tin ở đối phương trong quá trình giao tiếp. Trong quan hệ, các em thường tự nhiên, sống hòa đồng với mọi người, được bạn bè và mọi người yêu mến, tin tưởng.

Các em thường dễ dàng thiết lập các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là thiết lập mối quan hệ bạn bè gần bó cùng giúp đỡ, chia sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn trong học tập cũng như trong cuộc sống. Những HS này thể hiện rất mềm dẻo, linh hoạt trong các mối quan hệ, ít khi có xung đột với người khác; nếu xảy ra xung đột cũng có khả năng thương lượng và giải quyết mâu thuẫn thỏa đáng mà không gây xô xát, bạo lực. Các em luôn vui vẻ, thoải mái, không bị "co cứng" dù tiếp xúc với bạn bè hay giáo viên (GV), với người quen biết hay người không quen biết; luôn hành động theo quan điểm lập trường vững vàng của bản thân, ít bị bạn bè

lôi kéo, rủ rê vào những công việc hay hành động không tốt. Biết lắng nghe, quan tâm đến những điều người khác trình bày, tâm sự, tôn trọng ý kiến của người khác và đồng viên, chia sẻ với họ, khích lệ họ vượt qua những khó khăn, thử thách...

Ngược lại, những HS có biểu hiện kém thích ứng luôn nhút nhát, thụ động, kém tự tin trong những môi trường giao tiếp với người lạ, khó kết bạn, ít quan tâm đến người khác, ít chia sẻ với những người xung quanh. Đứng trước mâu thuẫn hay xung đột, khó tìm được cách giải quyết, không quyết đoán và dễ bị bạn bè lôi kéo vào những việc làm không tốt. Một số HS lại tỏ ra táo tợn, dạn dĩ, sỗ sàng trong quan hệ với người khác, để lại ấn tượng không đẹp. Các em hay dễ xảy ra mâu thuẫn với các bạn trong lớp, các thành viên khác trong gia đình nhưng không biết cách giải quyết mâu thuẫn đó như thế nào. Những em này dễ nổi nóng khi gặp phải những chuyện không vừa ý, khả năng kiềm chế kém, thích bạo lực, luôn cảm thấy căng thẳng, lo âu, muốn xa lánh mọi người...

1.2. Trong hoạt động học tập. Những HS thích ứng tốt luôn có hứng thú, say mê trong học tập. Bước vào cấp học THCS, hoạt động học tập có nhiều thay đổi lớn, học nhiều môn hơn và mỗi môn lại có một GV giảng dạy. Mỗi GV lại có phương pháp dạy khác nhau, vì vậy, để thích ứng được với môi trường học tập mới, HS phải tích cực và nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, trở ngại, đáp ứng yêu cầu của hoạt động học tập.

Sự thích ứng với hoạt động học tập thể hiện ở 2 khía cạnh: - Thích ứng với mối quan hệ học tập giữa GV và HS; - Thích ứng với các yêu cầu của hoạt động học tập. Vì vậy, những HS thích ứng tốt sẽ xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô; có thể tự tổ chức hoạt động học tập và rèn luyện dưới sự định hướng của GV; luôn tích cực phát biểu xây dựng bài, tập

* Trường Đại học Tây Bắc

trung lắng nghe bài giảng, hoàn thành nhiệm vụ và bài tập về nhà; xây dựng động cơ học tập đúng đắn, đề ra mục đích cụ thể, rõ ràng để đạt được kết quả cao trong học tập. Các em luôn thấy vui vẻ, thoải mái khi đến trường, luôn hứng thú với các hoạt động học tập, không thấy mệt mỏi hay chán nản, phục hồi thể lực nhanh sau một giai đoạn học tập căng thẳng.

Ngược lại, những HS có biểu hiện thích ứng kém thường hay sợ GV; không dám bày tỏ suy nghĩ, quan điểm của mình với GV; luôn gặp phải áp lực, không xây dựng được động cơ học tập đúng đắn; chán học, ngại đến trường, không hoàn thành được bài tập; hay chống đối lại những yêu cầu của GV; hay bị quan, chán nản, không có ý chí, nghị lực vươn lên khắc phục khó khăn... nên kết quả học tập của các em thường thấp.

1.3. Trong vui chơi, giải trí. Những HS có khả năng thích ứng tốt luôn sôi nổi, tích cực, hứng thú tham gia vào các hoạt động ngoại khóa của lớp, của trường, tổ chức đoàn thể... Các em tham gia vào các trò chơi rất nhiệt tình, có khi còn tự mình đề xuất những ý tưởng, chủ động khởi xướng một trò chơi nhằm rèn luyện các KN thích ứng xã hội, như: hợp tác, chia sẻ, quyết đoán trong việc xử lý các tình huống...; có khả năng tổ chức tốt, đoàn kết được các bạn...

Ngược lại, những HS thích ứng kém là những em ít tham gia, ngại tham gia vào các hoạt động tập thể; không nhiệt tình, hào hứng khi tham gia, chậm chạp, thiếu tính sáng tạo; thường khó hòa nhập với mọi người hay quây phá làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của tập thể.

2. Các KN thích ứng xã hội cơ bản của HS THCS

KN thích ứng xã hội cơ bản là những KN chủ yếu, cốt lõi, bao trùm hay quy định KN thành phần khác, có ý nghĩa quan trọng và cần thiết nhất đối với sự hình thành và phát triển KN thích ứng xã hội của mỗi cá nhân. Để thích ứng với môi trường học tập, với cuộc sống, thì lứa tuổi HS THCS phải được trang bị và rèn luyện một số KN thích ứng xã hội cơ bản sau đây:

2.1. KN hợp tác:

- *KN hợp tác của HS THCS* là những hành vi giúp đỡ bạn bè, đoàn kết, chia sẻ tài liệu, tuân thủ cam kết hoặc cùng chung sức hoàn thành một công việc, cùng phối hợp hành động trong một lĩnh vực nào đó nhằm đạt một mục đích chung.

- *Biểu hiện KN hợp tác ở HS THCS:* + Biết lắng nghe thầy cô hay người lớn đang nói chuyện với mình; + Hoàn thành nhiệm vụ của lớp, của GV giao phó (bài tập, nhiệm vụ của đội viên, đoàn viên...); + Biết xin phép trước khi dùng đồ đạc của người khác; + Hiểu rõ những điều người lớn không cho phép và tránh không tham gia vào những việc có thể gây tức giận với người lớn trong gia đình cũng như thầy cô ở trường; + Giữ

gìn ngăn nắp, sạch sẽ góc học tập riêng; + Không vi phạm nội quy ở trường, lớp, giờ học...

- *Ý nghĩa của KN hợp tác đối với HS THCS:* Hợp tác là yêu cầu cần thiết đối với mỗi con người. Hợp tác sẽ có tác dụng thiết thực với bản thân và cho mọi người, làm tăng cường tinh đoàn kết, cảm thông và giúp đỡ lẫn nhau. Năng lực hợp tác đã trở thành vẻ đẹp, đạo đức, lối sống của con người trong xã hội hiện đại.

Đối với HS THCS, có được KN hợp tác sẽ giúp HS biết tôn trọng bản thân và người khác. HS dễ dàng tiến hành các hoạt động (học tập, giao lưu...) khi có sự hợp tác của bạn bè, GV và những người xung quanh; các em luôn phấn đấu, học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Vì vậy, phát triển KN hợp tác hàm chứa một tiềm năng giáo dục to lớn trong việc xây dựng ý thức tập thể, xây dựng tình bạn, tình thân đoàn kết, tinh thần hợp tác cùng phát triển.

2.2. KN tự khẳng định:

- *KN tự khẳng định:* Là khả năng dám nghĩ, dám làm bất cứ công việc nào đó trong cuộc sống. Nếu con người dám hành động, có suy nghĩ trước khi hành động, chủ động và kiên quyết thì họ có khả năng quyết đoán thực hiện những vấn đề của mình.

- *KN tự khẳng định của HS THCS.* Đó là những hành vi: chủ động đề nghị người khác cung cấp thông tin, tự giới thiệu về mình, kiên định khi bị người khác gây sức ép, bảo vệ một cách tích cực chủ kiến, quan điểm của mình trước mọi người.

- *Biểu hiện của KN tự khẳng định ở HS THCS:* + Tự tin khi nói chuyện với bạn, trò chuyện với người lớn; + Chủ động trong việc làm quen với các bạn hoặc mời các bạn cùng tham gia trò chơi, hoạt động nhóm; + Biết cách lịch sự từ chối khi bạn có những yêu cầu quá đáng mà mình không thực hiện được hoặc không phù hợp với mình; + Chủ động chào hỏi, cảm ơn khi người khác giúp mình một điều gì đó trong học tập cũng như trong cuộc sống; + Tham gia các hoạt động của nhà trường một cách năng nổ, tích cực, tự giác; + Giao tiếp với bạn bè thân thiện, cởi mở không rụt rè, co cụm; + Biết quan tâm đến ý đến bạn bè, kể cả bạn khác giới mà không cảm thấy xấu hổ.

- *Ý nghĩa của KN quyết đoán đối với HS THCS:* Biết chủ động trong mọi hoàn cảnh, do đó trong học tập hay làm việc luôn có sự tích cực và chủ động. Nhận ra giá trị của bản thân mình, biết nhìn nhận giá trị của người khác. Đồng thời, biết chấp nhận bản thân mà tự cố gắng, thấy được sự khác biệt giữa người này và người kia để không cảm thấy khó khăn trong thiết lập mối quan hệ hay tiếp cận với cái mới.

2.3. KN đồng cảm:

- *KN đồng cảm:* Là khả năng con người thấu hiểu và cảm nhận sự việc và cảm xúc của người khác như

chính bản thân mình; là sự quan tâm, trân trọng tình cảm, ý kiến của người khác, mong muốn được chia sẻ với họ; đồng thời, thấu hiểu những khó khăn riêng và biết cách chia sẻ tâm tư, tình cảm, động viên thăm hỏi người khác khi họ gặp chuyện buồn.

- **Biểu hiện KN đồng cảm ở HS THCS:** + Biết động viên, an ủi khi người thân gặp chuyện buồn, biết lắng nghe họ tâm sự và chia sẻ; + Biết khen tặng bạn bè khi họ làm được điều hay, việc tốt...; + Biết tìm đến bạn bè khi họ gặp khó khăn và cần sự giúp đỡ; + Thông cảm với bạn, mọi người khi họ gặp chuyện chẳng lành; + Vui vẻ, hòa nhã với mọi người nhưng không ngại đấu tranh cho bạn bè khi họ bị đối xử bất công; + Biểu lộ niềm vui, nỗi buồn, sự hài lòng... của mình cho người khác biết.

- **Ý nghĩa của KN đồng cảm ở HS THCS:** Sự đồng cảm giúp con người vượt qua được những khó khăn trong cuộc sống; tạo sự thấu hiểu, làm cho người khác trở nên yên tâm và tin vào sự giúp đỡ hoặc tin rằng đang có người hiểu họ, tin họ, giúp họ thấy tự tin hơn trong những tình cảnh khó khăn của cuộc sống.

2.4. KN kiểm chế

- **KN kiểm chế:** Là khả năng con người nhận thức được, biết, hiểu và điều chỉnh hành vi, cảm xúc của bản thân một cách hợp lý nhằm duy trì trạng thái cân bằng của cơ thể để tránh những căng thẳng vốn không cần thiết trong cuộc sống.

- **Biểu hiện của KN kiểm chế ở HS THCS:** + Xem chuyện bị trêu chọc là bình thường; + Không cố tranh cãi với người lớn khi có bất đồng ý kiến và chủ động dàn hòa với mọi người; + Không dễ dàng nổi nóng hoặc bực bội khi người khác cáu giận mình; + Không đợi đến khi bị la mắng mà tự nguyện giúp cha mẹ công việc nhà; + Không nổi khùng khi bị la mắng, cần luôn bình tĩnh khi giải quyết xung đột với người lớn và với bạn bè.

- **Ý nghĩa của KN kiểm chế đối với HS THCS:** KN này giúp cho việc giải quyết vấn đề của HS được thỏa đáng, các em không cảm thấy ân hận hay hối tiếc vì cách cư xử của mình trước mọi tình huống. Không hành động bộc phát, chế ngự cảm xúc... Do đó, các em đủ bình tĩnh để nhìn nhận sự việc sâu sắc hơn và dễ dàng đạt mục tiêu chắc chắn hơn; đồng thời, xây dựng được mối quan hệ lành mạnh và bổ ích trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

2.5. KN giải quyết vấn đề

- **KN giải quyết vấn đề:** Là KN mà con người xác định được, phân biệt được những khó khăn, trở ngại làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của bản thân. Từ đó, biết vượt qua một cách dễ dàng để đi đến những mục tiêu đã lựa chọn.

- **Biểu hiện KN giải quyết vấn đề ở HS THCS:** + Biết suy nghĩ để tìm ra nguyên nhân, nguồn gốc của những rắc rối và tìm cách giải quyết nó; + Biết tận dụng những hiểu biết để giải quyết khó khăn cũng như tìm ra sự giúp đỡ của người khác; + Biết rõ trong những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, ai sẽ là người nói “đồng ý” hoặc “không đồng ý” trợ giúp; + Thích nghi với hoàn cảnh và tìm cách thích nghi với hoàn cảnh; + Giữ thái độ lạc quan, hi vọng vào những điều tốt đẹp sẽ đến; + Chuẩn bị sẵn sàng cho những điều tồi tệ nhất có thể xảy ra.

- **Ý nghĩa của KN giải quyết vấn đề đối với HS THCS:** Ở tuổi HS THCS, vấn đề của các em là những khó khăn trong học tập, trong giao tiếp, ứng xử với bạn bè, người lớn tuổi, khó khăn trong việc tiếp nhận những thay đổi tâm sinh lí của bản thân... Việc các em ứng xử ra sao với vấn đề riêng của mình, tuy chỉ trong khoảnh khắc, nhưng thể hiện cả một quá trình rèn luyện lâu dài và bản lĩnh học tập nghiêm túc của bản thân. Việc có thể giải quyết hợp lí những vấn đề của chính mình làm cho các em thêm tự tin và càng có KN cho việc này hơn. Cũng như khi xem xét để giải quyết những vấn đề của mình, HS đã cho mình cơ hội “vượt lên” chính bản thân về những giới hạn nhận thức, tình cảm, hành vi...

3. Vai trò của KN thích ứng xã hội đối với sự phát triển tâm lí của HS THCS

Trong điều kiện KT-XH và tình hình phát triển toàn cầu hiện nay, càng ngày chúng ta càng nhận ra tầm quan trọng của việc rèn luyện những KN thích ứng xã hội để thích nghi với sự thay đổi, biến động của môi trường, xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng với lứa tuổi HS, vì các em phải tự đương đầu với nhiều vấn đề tâm lí xã hội phức tạp trong cuộc sống.

Đối với mỗi HS, KN thích ứng xã hội có ý nghĩa quan trọng giúp HS thích nghi với sự thay đổi của môi trường, xã hội. Từ đó, xác định được vị trí của mình trong xã hội và nhận ra được những yêu cầu của xã hội đối với mỗi cá nhân để từ đó phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành. Việc trang bị KN thích ứng xã hội cho HS THCS giúp các em làm chủ bản thân và biết cách ứng phó với những tình huống khó khăn trong cuộc sống.

KN thích ứng xã hội rèn cho HS cách sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng. Đồng thời, mở ra hướng suy nghĩ tích cực, tự tin, tự quyết định và lựa chọn những hành vi đúng đắn. Hơn nữa, giúp các em ở lứa tuổi này bồi dưỡng một số phẩm chất đạo đức cần thiết cho một công dân trưởng thành, như: tính độc lập, sáng tạo, lập trường vững vàng... Bên cạnh đó, cũng giúp phát triển những

(Xem tiếp trang 117)

bày theo sự phân công và hướng dẫn của GV; + Suu tầm tài liệu, nghiên cứu và phân loại tài liệu theo mục đích sử dụng (ví dụ sử dụng để tham khảo, để làm minh chứng, để so sánh...); + Trình bày báo cáo theo phân công; + Theo dõi, bổ sung, góp ý bài trình bày của các bạn cùng lớp, hoàn chỉnh bài trình bày đó hoặc của mình; + Hỏi, đối thoại, tranh luận những vấn đề đã trình bày tại buổi thảo luận; + Theo dõi sự nhận xét, tổng kết của GV để hoàn chỉnh bài trình bày tại buổi thảo luận; + Sắp xếp tài liệu có được sau từng buổi thảo luận theo kế hoạch nghiên cứu, học tập của bản thân để sử dụng cho các mục đích khác như làm bài tập nhóm, bài tập lớn học kì, kiểm tra giữa kì và cuối kì...

- *Giờ thực hành, thí nghiệm*: Trong giờ học thực hành, thí nghiệm, GV hướng dẫn SV thực hiện các nội dung sau đây: + Quan sát thực tế, kết hợp với tư duy để liên hệ, vận dụng kiến thức vào giải quyết các bài tập cụ thể; + Hoàn thành công tác chuẩn bị cho thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu của GV, đề xuất vấn đề, câu hỏi cần hỏi GV; + Làm các bài thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu môn học và hướng dẫn của GV. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn lao động; + Viết báo cáo thực hành, thực tập, thí nghiệm; rút ra những nhận xét, kết luận minh chứng cho lý thuyết; + Hoàn chỉnh báo cáo thực hành, thực tập, thí nghiệm theo góp ý, đánh giá của GV.

3.3. Đối với giờ tự học

Trong giờ tự học, GV hướng dẫn SV thực hiện các nội dung sau đây: - Nhận và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu mà GV giao (khuyến khích SV nghiên cứu mở rộng hơn những nội dung và vấn đề được giao); - Lập danh mục tài liệu và sơ đồ hóa mối quan hệ giữa tài liệu và nội dung học tập; - Thực hiện kế hoạch tự học theo hình thức cá nhân hoặc nhóm (liên hệ với GV để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề đang tự học, tự nghiên cứu); - Viết báo cáo thu hoạch theo các tiêu chí đánh giá của GV, tranh thủ những ý kiến góp ý của bạn, tư vấn của GV trước khi nộp bài; - Hệ thống hóa, lưu giữ tài liệu, kết quả tự học, tự nghiên cứu thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng sau này.

Kết quả tự học, tự nghiên cứu của SV là nhân tố quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường đại học. Tự học vừa là phương tiện vừa là kết quả của quá trình đào tạo ở đại học. Vì vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo, GV đại học phải nâng cao chất lượng tự học của SV bằng cách trang bị cho họ kĩ năng và phương pháp tự học, tự nghiên cứu; khơi gợi động cơ và tính tích cực học tập; tạo môi trường để tự học diễn ra thuận lợi và hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2007). *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [2] Đặng Xuân Hải (2013). *Kĩ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*. NXB Bách khoa Hà Nội.
- [3] Đặng Xuân Hải (2014). *Đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Việt Nam: đặc điểm và điều kiện triển khai*. Tạp chí Khoa học Giáo dục số 13, tháng 12/2004, tr 8-10.
- [4] Nguyễn Cảnh Toàn - Nguyễn Kỳ - Nguyễn Khánh Bằng - Vũ Văn Tảo (2004). *Học và dạy cách học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Lâm Quang Thiệp - D.B Johnstone - P.G.Altbach (2006). *Giáo dục đại học Hoa Kỳ*. NXB Giáo dục.

Một số vấn đề lí luận về kĩ năng...

(Tiếp theo trang 114)

năng lực trong nhân cách của các em một cách toàn diện hơn. KN thích ứng xã hội giúp HS nhận biết được những phẩm chất, năng lực của mình, đánh giá đúng bản thân để có thể phát huy thế mạnh và hạn chế những nhược điểm để tự hoàn thiện nhân cách của mình.

Trang bị cho HS KN thích ứng xã hội là việc làm hết sức có ý nghĩa và giá trị. Giúp HS biến kiến thức thành hành động cụ thể, những thói quen tốt, cách ứng xử phù hợp trước những đòi hỏi của cuộc sống. KN thích ứng xã hội góp phần thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội; ngăn ngừa các vấn đề xã hội, bảo vệ sức khỏe và bảo vệ quyền con người; phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân trong mỗi HS. HS có KN thích ứng xã hội sẽ thực hiện những hành vi mang tính xã hội tích cực, góp phần xây dựng mối quan hệ xã hội tốt đẹp, xây dựng môi trường học đường thân thiện và là điều kiện tất yếu đảm bảo quá trình giáo dục phát triển một cách toàn diện và hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (2007). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Thanh Bình (2010). *Giáo trình giáo dục kĩ năng sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Bộ GD-ĐT - UNICEF (2003). *Tài liệu chương trình "Thực nghiệm giáo dục sống khỏe mạnh và kĩ năng sống cho học sinh trung học cơ sở"*.
- [4] Lê Ngọc Lan (2002). *Sự thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên*. Tạp chí Tâm lí học, số 3.
- [5] Phan Trọng Ngọ (2003). *Các lí thuyết phát triển tâm lí người*. NXB Đại học Sư phạm.